

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HS-ST
Ngày 07 - 5 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Thuôn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Kim Ngọc Châu.

2. Bà Tô Thị Mỹ Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Chế Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2019/HSST, ngày 25 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H, sinh năm 1991 tại huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Nơi cư trú: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Thạch Thị L1; vợ con chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị khởi tố và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 07/12/2018 đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Bà Trần Thị Q, sinh năm 1959 (chết)

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Ông Phạm Văn L, sinh năm 1964;

2. Anh Phạm Văn Tr, sinh năm 1989;

3. Anh Phạm Văn S, sinh năm 1985;

4. Chị Phạm Thị Kim L1, sinh năm 1982;

5. Anh Phạm Văn T, sinh năm 1995;

Cùng địa chỉ: ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

(ông L, chị L1, anh S và anh Tr đồng ủy quyền cho anh Phạm Văn T tham gia tố tụng, anh T có mặt).

- Người làm chứng:

1. Ông Lê Thanh S, sinh năm 1978;

Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

2. Ông Ngô Văn H, sinh năm 1962;

Địa chỉ: ấp D, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 01/11/2018, bị cáo Nguyễn Văn H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 84H1 - 356.06, số máy 55P1075555, số khung 5P10CY075543 chở người ngồi sau là ông Lê Thanh S, từ nhà ông S đi qua nhà ông Lê Văn V, sinh năm 1956, trú tại ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh để dự đám giỗ. Đến 17 giờ cùng ngày, bị cáo điều khiển xe mô tô đi đến Hương lộ 27 thuộc ấp Dầu Đồi, xã An Quảng Hữu, huyện Trà Cú chạy với tốc độ khoảng 40km/h (đoạn đường thẳng, rộng 5m, có vạch kẻ đường ở giữa, chia thành hai chiều xe chạy riêng biệt) thì bị cáo nhìn thấy phía trước cách xe mô tô của mình khoảng 50m có 01 (một) chiếc xe đạp chạy cùng chiều với xe mô tô của bị cáo, theo hướng từ ấp Chợ, xã An Quảng Hữu về ấp Vàm, xã An Quảng Hữu do bà Trần Thị Q, điều khiển đi một mình, cách lề đường bên phải theo chiều đi khoảng 0,5m. Khi phát hiện bà Q, bị cáo điều khiển xe không giảm tốc độ, không có mở đèn, không bóp còi để báo hiệu xin vượt và bà Q chưa né tránh về bên phải thì bị cáo điều khiển xe mô tô chạy tới, định vượt qua xe đạp của bà Q. Lúc này bà Q điều khiển xe đạp lách qua bên trái nhưng vẫn còn nằm trên phần đường bên phải theo chiều đi của bà Q, cách vạch kẻ đường bên phải theo chiều đi là khoảng 30cm. Bị cáo thấy vậy, có đạp, bóp thắng tay và điều khiển xe sang trái để tránh xe đạp của bà Q thì tay cầm bên phải xe mô tô của bị cáo va chạm vào tay cầm xe đạp bên trái của bà Q dẫn đến xảy ra tai nạn giao thông (vùng va chạm được xác định ở vị trí ở phần đường bên phải theo chiều đi của hai xe trên, cách vạch kẻ đường khoảng 30cm).

Sau khi xảy ra tai nạn, bà Q té ngã nằm giữa đường nhựa, cách mép đường bên trái là 2.6m, cách tâm xe đạp là 1.5m, chiếc xe đạp của bà Q ngã nằm bên trái, tâm bánh trước cách mép đường bên trái là 4.2m, tâm bánh sau cách mép đường bên trái là 2.55m, tâm xe đạp cách tâm xe mô tô của bị cáo là 10.3m, vết cày không liên tục của xe đạp dài 2.35m, đầu vết cày cách mép đường bên trái là 2,7m, cuối vết cày trùng với tâm xe cách mép đường bên trái là 3.7m. Riêng xe mô tô do bị cáo điều khiển ngã nằm bên trái, tâm bánh trước cách mép đường bên trái trở vào là 2.7m, tâm bánh sau cách mép đường bên trái trở vào là 0,3m, vết cày không liên tục của xe mô tô dài 6.4m, đầu vết cày cách mép đường bên trái là 0.9m, cuối vết cày trùng với tâm xe cách mép đường bên trái là 1,5m (tất cả số liệu đo đạc được tính theo hướng từ ấp Chợ, xã An Quảng Hữu đến ấp Vàm, xã An Quảng Hữu và lấy mép đường bên trái làm chuẩn). Hậu quả làm bà Trần Thị Q bị thương nặng và tử vong trên đường đưa đi cấp cứu, còn bị cáo thì

bị thương tích nhiều vị trí trên cơ thể, được mọi người đưa đến Trung tâm y tế huyện Trà Cú điều trị từ ngày 01/11/2018 đến ngày 05/11/2018 ra viện, riêng ông Lê Thanh S thì không bị thương tích.

Căn cứ vào Kết luận giám định pháp y số: 345/KLGD(PY) ngày 05/11/2018 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh, kết luận: Nguyên nhân chính dẫn đến tử vong của bà Trần Thị Q là do chấn thương vùng răng hàm mặt, máu chảy bít tắt đường thở gây suy hô hấp cấp, suy tim cấp.

Bản cáo trạng số 15/CT-VKSTC ngày 23 tháng 3 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây được gọi tắt là Bộ luật Hình sự năm 2015).

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn H cho rằng cáo trạng truy tố đúng với hành vi của bị cáo, bị cáo không có ý kiến bổ sung gì về nội dung bản cáo trạng.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng. Sau khi phân tích các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa cũng như các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo, Vị đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 01 (một) năm đến 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 48 tháng; về trách nhiệm dân sự, quá trình điều tra giữa bị cáo và gia đình bị hại đã tự thỏa thuận xong, tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại không có yêu cầu gì thêm nên về trách nhiệm dân sự không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Ông Phạm Văn T là người đại diện hợp của bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H, về trách nhiệm dân sự thì không còn yêu cầu gì thêm.

Tại phần tranh luận bị cáo xin Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; tại lời nói sau cùng bị cáo nhận thấy hành vi phạm tội của mình là sai, bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, bị cáo xin lỗi gia đình bị hại và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung Cáo trạng đã mô tả, lời khai này là khách quan, phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Vào khoảng 17giờ ngày 01/11/2018, bị cáo Nguyễn Văn H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 84H1-356.06 di chuyển trên Hương lộ 27 thuộc ấp Dầu Đồi, xã An Quảng Hữu, huyện Trà Cú, tỉnh Trà

Vinh. Bị cáo vượt xe không đảm bảo an toàn nên đã va chạm với xe đạp đang chạy phía trước cùng chiều do bà Trần Thị Q điều khiển. Hậu quả làm bà Q tử vong do chấn thương vùng răng hàm mặt, máu chảy bít tắt đường thở gây suy hô hấp cấp, suy tim cấp. Do đó, hành vi của bị cáo đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015 như Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh và kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng quy định của pháp luật, bị cáo không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về tính chất của vụ án là nghiêm trọng, bị cáo là người có đầy đủ năng lực, tuổi chịu trách nhiệm hình sự và là người tham gia giao thông đường bộ, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi vô ý. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến những quy định của Nhà nước về an toàn giao thông đường bộ, hậu quả làm chết người, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử cần phải dành cho bị cáo một mức án thật nghiêm, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo, có như vậy mới đảm bảo cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo: Xét thấy, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi của mình; sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện khắc phục toàn bộ hậu quả cho gia đình bị hại; gia đình bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo; bị cáo có nhân thân tốt; không có tiền án, tiền sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, thuộc thành phần lao động nghèo, trình độ học vấn thấp nên việc nhận thức pháp luật còn hạn chế đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để cho bị cáo thấy được tính khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo tốt, phấn đấu trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. Căn cứ vào nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ xét thấy không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù tại cơ sở giam giữ cũng đảm bảo cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra giữa bị cáo và gia đình bị hại đã tự thỏa thuận xong, tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại không có yêu cầu gì thêm nên về trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát Điều tra đã trả cho bị cáo Nguyễn Văn H 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 84H1- 35606 , 01 giấy phép lái xe số: 790152084099 hạng A1 và trả cho anh Phạm Văn T 01 chiếc xe đạp màu trắng, xanh, vàng, tình trạng xe đạp đã qua sử dụng nên về vật chứng Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Xét quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, mức hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật, nên có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 01 (một) năm tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng kể từ ngày tuyên án 07/5/2019.

Giao bị cáo Nguyễn Văn H cho Ủy ban nhân dân xã Hiệp Mỹ Tây, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo H thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định về pháp luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát Điều tra đã trả cho bị cáo Nguyễn Văn H 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 84H1- 35606 , 01 giấy phép lái xe số: 790152084099 hạng A1 và trả cho Phạm Văn T 01 chiếc xe đạp màu trắng, xanh, vàng, tình trạng xe đạp đã qua sử dụng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra giữa bị cáo và gia đình bị hại đã tự thỏa thuận xong, tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TA tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- Công an huyện Trà Cú;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA,VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thạch Thuôn

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Kim Ngọc Châu

Tô Thị Mỹ Hạnh

Thạch Thuông